

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

Bản án số: 28/2022/DS-PT

Ngày 16-8-2022

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất,
yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài
sản bị xâm phạm và yêu cầu di dời
tài sản trên đất

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Đức Trí

Các Thẩm phán: Ông Cao Đức Chiến

Bà Nguyễn Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hà Mi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Nông Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét
xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2022/TLPT-DS ngày 31 tháng 5
năm 2022 về việc Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu bồi thường thiệt hại
do tài sản bị xâm phạm, yêu cầu di dời tài sản trên đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2022/DS-ST ngày 21 tháng 4 năm 2022
của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 25/2022/QĐ-PT ngày
13 tháng 7 năm 2022; Thông báo thay đổi thời gian, địa điểm mở phiên tòa số
323/TBTDST, ngày 27/7/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1954; địa chỉ: Thôn H, xã
H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt;

- Bị đơn: Ông Nguyễn Đình K, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn B, xã H,
thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt;

*+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án bên nguyên đơn (là
vợ và các con ông Nguyễn Hữu T):*

1. Bà Trần Thị M, sinh năm 1954, có mặt;
2. Anh Nguyễn Hữu C, sinh năm 1979, vắng mặt;
3. Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1981, vắng mặt;

4. Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1984, vắng mặt;

5. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1987, vắng mặt;

6. Anh Nguyễn Chí C, sinh năm 1992, vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

7. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1989; địa chỉ: Ngõ 381, đường T, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt;

- *Người đại diện theo ủy quyền* của bà Trần Thị M, anh Nguyễn Hữu C, anh Nguyễn Hữu T, anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Chí C, chị Nguyễn Thị H là ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1954; địa chỉ: Thôn H, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (văn bản ủy quyền ngày 29/10/2021); có mặt.

+ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án bên bị đơn (là vợ và các con ông Nguyễn Đình K):*

8. Bà Hoàng Thị Q, sinh năm 1968, có mặt;

9. Anh Nguyễn Đình Đ, sinh năm 1988, vắng mặt;

10. Anh Nguyễn Đình Q, sinh năm 1991, vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

- *Người đại diện theo ủy quyền* của bà Hoàng Thị Q, anh Nguyễn Đình Đ, anh Nguyễn Đình Q là ông Nguyễn Đình K, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn B, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (văn bản ủy quyền ngày 02/11/2021), có mặt;

11. Ủy ban nhân dân xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn C- Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Minh Quỳnh A – Cán bộ địa chính xã (văn bản ủy quyền ngày 18/01/2022), vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Đình K, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đất tranh chấp theo kết quả thẩm định là 3.210.8m² trong tổng diện tích 6.769m², thửa đất 252, tờ bản đồ số 94, thôn K, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Ông Nguyễn Hữu T cho rằng, về nguồn gốc đất tranh chấp, ông T có thửa đất số 252 tờ bản đồ 94, tổng diện tích 6.769m² thuộc đồi L, thôn K, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Trước đó bà nội ông T là bà Lành Thị S quản lý sử dụng, đến năm 1950 bà S để lại cho bố, mẹ đẻ của ông T là ông Nguyễn Văn C và bà Đoàn Thị M quản lý, sử dụng. Đến năm 1969 Nông trường chè đã trồng cây chè xuống thửa đất trên. Đến năm 1984 nông trường chè giải thể sau đó dân xung quanh thả trâu bò lên đã phá hết cây chè, sau năm 1991 theo quy định trước đây đất nhà ai thì nhà đó nhận về quản lý, sử dụng, thì gia đình ông T nhận lại đất để

quản lý, sử dụng. Năm 1995 gia đình ông T đã trồng cây thông xuống thửa đất theo dự án 327 của Nhà nước là Nhà nước giao cây để gia đình trồng phủ xanh đồi và Nhà nước thanh toán tiền công bảo vệ chăm sóc, tiền hỗ trợ cho gia đình khi trồng cây. Gia đình ông T quản lý, sử dụng đất và cây trên đất từ năm 1995 đến nay.

Đến đầu năm 2021 gia đình ông T phát hiện ông Nguyễn Đình K có lên khai thác chặt cây thông của gia đình ông T trên thửa đất đang tranh chấp mang đi bán và khoảng tháng 3 tháng 4 năm 2021 thì ông K lấy cây bạch đàn lên trồng.

Ông T khởi kiện yêu cầu:

1. Buộc ông Nguyễn Đình K trả lại thửa đất tranh chấp qua tiến hành thẩm định tại chỗ xác định được tổng diện tích đất tranh chấp là 3.210.8m². Diện tích đất này nằm trong thửa đất số 252, tổng diện tích 6.769m², tờ bản đồ số 94, thuộc thôn K, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

2. Buộc ông Nguyễn Đình K bồi thường thiệt hại 87 cây thông đã chặt phá và mang đi bán, tổng số tiền ông T yêu cầu 10.179.000 đồng.

3. Buộc ông Nguyễn Đình K phải di dời 533 cây bạch đàn đã trồng trên đất của gia đình ông T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn nhất trí với ý kiến của nguyên đơn.

Ông Nguyễn Đình K cho rằng, về nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp, trước năm 1975 bố, mẹ đẻ ông K là ông Nguyễn Đình N, sinh năm 1928 và bà Mè Thị H, sinh năm 1930 quản lý sử dụng để trồng cây bạch đàn, cây lát, cây sa mộc cây chưa kịp lớn thì trâu bò đã phá hết. Năm 1996, 1997 gia đình ông T trồng cây theo dự án 327 trên khu đất tranh chấp ngoài ra không còn cây gì khác. Lúc gia đình ông T trồng cây ông K phát hiện nhắc nhở là không trồng cây xuống nữa. Đến khoảng tháng 10 năm 2020 gia đình ông K lên khai thác chặt hết cây thông của ông T trồng. Hình thức khai thác ông K thuê người chặt cây thông hiện nay ông K cũng không biết người đó sinh sống ở đâu.

Nay ông Nguyễn Hữu T yêu cầu ông K trả lại diện tích là 3.210.8m² trong tổng diện tích 6.769m², thửa đất 252, tờ bản đồ số 94, thôn K, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, ông K không nhất trí, với lý do đất là của bố mẹ để lại và đất sườn đồi tính theo đỉnh giồng đồi nước chảy về phía sườn đồi bên nào thì bên đó được quản lý, sử dụng và đất đang tranh chấp là thuộc thửa đất 577a mà gia đình ông K đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 923708 của Ủy ban nhân dân thị xã L (nay là thành phố L), tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 29-12-2000 với tổng diện tích 8.000m², thuộc tờ bản đồ số 01; địa chỉ: Thôn B, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Về việc ông Nguyễn Hữu T yêu cầu bồi thường thiệt hại số cây ông K đã chặt phá là 10.179.000 đồng ông Khá ý bồi thường, nhưng ông K yêu cầu ông Nguyễn Hữu T phải trả lại đất cho ông K.

Về 533 cây bạch đàn ông K đã trồng xuống đất tranh chấp ông K không

nhất trí di dời.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía bị đơn nhất trí với ý kiến của bị đơn đã trình bày.

Đại diện Ủy ban nhân dân xã H trình bày: Về thửa đất các bên đang tranh chấp là thửa 252, tờ bản đồ 94, diện tích $6.796m^2$, bản đồ địa chính xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Từ năm 1995 đến nay hộ gia đình ông T quản lý, sử dụng trồng cây thông và đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình nào. Thửa đất tranh chấp không thuộc quy hoạch sử dụng của Nhà nước và có đủ điều kiện kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi không xảy ra tranh chấp.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2022/DS-ST ngày 21-4-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu T, cụ thể:

1.1. Hộ ông Nguyễn Hữu T được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất là $3.210,8m^2$, trong tổng diện tích $6.769m^2$, thuộc thửa 252, tờ bản đồ số 94; địa chỉ thửa đất: Thôn K, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, theo sơ đồ thửa đất được đánh ký hiệu các điểm ABCDEFGH, có các phía tiếp giáp sau: Phía Tây Bắc giáp đất ông Nguyễn Hữu T và đất ông Hoàng Văn A từ điểm A đến các điểm H, G, F có tổng chiều dài là 114,46m; phía Đông giáp đường đất từ điểm A đến điểm B có chiều dài là 54,16m; phía Đông Nam giáp đất ông Nguyễn Đình K từ điểm B đến các điểm C, D, E có chiều dài 73,3m; phía Tây Nam giáp đất ông Nguyễn Hữu T từ điểm E đến điểm F dài 33,72m và buộc ông Nguyễn Đình K phải trả lại để hộ ông Nguyễn Hữu T để quản lý, sử dụng thửa đất trên (thửa đất có Trích đo khu đất tranh chấp kèm theo).

Hộ gia đình ông Nguyễn Hữu T có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai.

1.2 Buộc ông Nguyễn Đình K phải bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm cho ông Nguyễn Hữu T trị giá 87 cây thông bằng số tiền là 10.179.000 đồng (mười triệu một trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

1.3 Buộc ông Nguyễn Hữu T phải thanh toán cho ông Nguyễn Đình K trị giá 533 cây bạch đàn là 8.528.000 đồng (tám triệu năm trăm hai mươi tám nghìn đồng) và ông Nguyễn Hữu T được sở hữu 533 cây bạch đàn trên diện tích đất là $3.210,8m^2$ mà yêu cầu của ông Nguyễn Hữu T được chấp nhận nêu trên.

2. Về chi phí tố tụng: Tổng chi phí tố tụng là 18.301.000 đồng, ông Nguyễn Hữu T đã nộp tạm ứng trước, nay buộc ông Nguyễn Đình K phải hoàn trả lại tổng chi phí tố tụng là 18.301.000 đồng (mười tám triệu ba trăm linh một nghìn đồng) cho ông Nguyễn Hữu T.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu lãi suất chậm trả, án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định, bị đơn ông Nguyễn Đình K kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xử cho ông được quản lý, sử dụng 3.210,8m² đất tranh chấp tại địa chỉ Thôn K, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn và được tiếp tục sở hữu toàn bộ tài sản là cây thông, bạch đàn trên diện tích 3.210,8m² đất nêu trên; không chấp nhận bồi thường trị giá 87 cây thông với số tiền là 10.179.000 đồng cho ông T; về chi phí tố tụng: Không chấp nhận chịu toàn bộ chi phí tố tụng. Đề nghị buộc ông Nguyễn Hữu T phải chịu chi phí thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, giám định bản đồ liên quan đến phần diện tích đất tranh chấp; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm lồng ghép bản đồ xác định diện tích đất tranh chấp với bản đồ đất lâm nghiệp xã H, thị xã Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn để xác định người được nhà nước giao đất rừng và đất trồng rừng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Nguyễn Đình K giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Sau khi các bên hòa giải đã tự thỏa thuận, cụ thể: Về diện tích đất tranh chấp và tài sản trên đất: Ông Nguyễn Hữu T được quyền quản lý, sử dụng 3.210,8m² thuộc một phần thửa số 252, tờ bản đồ địa chính số 94 xã H, thành phố L và được sở hữu 533 cây bạch đàn trên đất.

Hộ gia đình ông Nguyễn Hữu T có nghĩa vụ kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai.

Buộc hộ gia đình ông Nguyễn Đình K phải chấm dứt hành vi tranh chấp đất và tài sản trên diện tích đất tranh chấp.

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Ông Nguyễn Đình K không phải bồi thường cho ông Nguyễn Hữu T giá trị 87 cây thông đã chặt là 10.179.000 đồng; Ông Nguyễn Hữu T không phải thanh toán cho ông Nguyễn Đình K giá trị 533 cây bạch đàn do ông Nguyễn Đình K trồng là 8.528.000 đồng.

Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Hữu T tự nguyện chịu 6.500.000 đồng; ông Nguyễn Đình K chịu 11.801.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Đình K chịu án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng và chịu án phí phúc thẩm 300.000 đồng, xác nhận ông Nguyễn Đình K đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm, nay còn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau:

1. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án dân sự:

Bị đơn kháng cáo trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên kháng cáo hợp lệ. Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thỏa thuận được với nhau về toàn bộ nội dung vụ án, cụ thể:

Về diện tích đất tranh chấp và tài sản trên đất: Ông Nguyễn Hữu T được quản lý, sử dụng 3.210,8m² thuộc một phần thửa số 252, tờ bản đồ địa chính số 94 xã H, thành phố L và được sở hữu 533 cây bạch đàn trên đất. Hộ gia đình ông Nguyễn Hữu T có quyền nghĩa vụ kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai. Buộc hộ gia đình ông Nguyễn Đình K phải chấm dứt hành vi tranh chấp đất và tài sản trên diện tích đất tranh chấp.

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Ông Nguyễn Đình K không phải bồi thường cho ông Nguyễn Hữu T giá trị 87 cây thông đã chặt là 10.179.000 đồng; Ông Nguyễn Hữu T không phải thanh toán cho ông Nguyễn Đình K giá trị 533 cây bạch đàn do ông Nguyễn Đình K trồng là 8.528.000 đồng.

Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Hữu T tự nguyện chịu 6.500.000 đồng; ông Nguyễn Đình K chịu 11.801.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Đình K chịu án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng và chịu án phí phúc thẩm 300.000 đồng, xác nhận ông Nguyễn Đình K đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm, nay còn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Xét thấy, việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Phiên tòa đã được triệu tập hợp lệ, có đương sự vắng mặt tuy nhiên đã có ủy quyền và có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người này.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn về việc yêu cầu được quản lý, sử dụng 3.210,8m² đất tranh chấp tại địa chỉ Thôn K, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn và được tiếp tục sở hữu toàn bộ tài sản là cây thông, bạch đàn trên diện tích 3.210,8m² đất đang tranh chấp; không chấp nhận bồi thường bằng tiền đối với số cây thông đã chặt; không chấp nhận các chi phí tố tụng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3] Tại phiên tòa hôm nay các bên đã tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể:

[4] Về diện tích đất tranh chấp và tài sản trên đất: Ông Nguyễn Hữu T được quản lý, sử dụng 3.210,8m² thuộc một phần thửa số 252, tờ bản đồ địa chính số 94 xã H, thành phố L và được sở hữu 533 cây bạch đàn trên đất. Hộ gia đình ông Nguyễn Hữu T có quyền nghĩa vụ kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai. Buộc hộ gia đình ông Nguyễn Đình K phải chấm dứt hành vi tranh chấp đất và tài sản trên diện tích đất tranh chấp.

[5] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Ông Nguyễn Đình K không phải bồi thường cho ông Nguyễn Hữu T giá trị 87 cây thông đã chặt là 10.179.000

đồng; ông Nguyễn Hữu T không phải thanh toán cho ông Nguyễn Đình K giá trị 533 cây bạch đàn do ông Nguyễn Đình K trồng tổng số tiền là 8.528.000 đồng.

[6] Về chi phí tố tụng: Tổng chi phí tố tụng tại cấp sơ thẩm là 18.301.000 đồng. Ông Nguyễn Hữu T tự nguyện chịu 6.500.000 đồng; ông Nguyễn Đình K chịu 11.801.000 đồng. Ông Nguyễn Hữu T đã nộp tạm ứng trước 18.301.000 đồng. Do đó, ông Nguyễn Đình K phải hoàn trả lại cho ông Nguyễn Hữu T 11.801.000 đồng. Tại cấp phúc thẩm, bị đơn đề nghị Tòa án thực hiện chồng ghép bản đồ để làm rõ nội dung kháng cáo. Tòa án đã tiến hành chồng trung cầu giám định, chồng ghép bản đồ theo yêu cầu của bị đơn, chi phí giám định là 3.000.000 đồng, số tiền này bị đơn tự nguyện chịu vì là người yêu cầu.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Đình K chịu án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng và chịu án phí phúc thẩm 300.000 đồng, xác nhận ông Nguyễn Đình K đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm, nay còn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Xét thấy, việc thỏa thuận giữa ông Nguyễn Hữu T và ông Nguyễn Đình K là hoàn toàn tự nguyện; nội dung thỏa thuận không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Căn cứ khoản 2 Điều 5 và Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử sửa Bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn là có căn cứ pháp lý và phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[10] Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 5, Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2022/DS-ST ngày 21 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn; công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

Căn cứ vào các Điều 99, 100, 101, 166, 170 của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ vào các Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 161, Điều 165, Điều 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Hộ ông Nguyễn Hữu T được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất là 3.210.8m², trong tổng diện tích 6.769m², thuộc thửa 252, tờ bản đồ số 94; địa chỉ thửa đất: Thôn K, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, theo sơ đồ thửa đất được đánh ký hiệu các điểm ABCDEFGH, có các phía tiếp giáp sau: Phía Tây

Bắc giáp đất ông Nguyễn Hữu T và đất ông Hoàng Văn A từ điểm A đến các điểm H, G, F có tổng chiều dài là 114,46m; phía Đông giáp đường đất từ điểm A đến điểm B có chiều dài là 54,16m; phía Đông Nam giáp đất ông Nguyễn Đình K từ điểm B đến các điểm C, D, E có chiều dài 73,3m; phía Tây Nam giáp đất ông Nguyễn Hữu T từ điểm E đến điểm F dài 33,72m (thửa đất có Trích đo khu đất tranh chấp kèm theo).

Buộc ông Nguyễn Đình K và các thành viên trong gia đình, gồm: Bà Hoàng Thị Q, anh Nguyễn Đình Đ, anh Nguyễn Đình Q phải chấm dứt hành vi tranh chấp, cản trở trái pháp luật việc thực hiện quyền quản lý, sử dụng của hộ ông Nguyễn Hữu T đối với hai thửa đất số 252, tờ bản đồ số 94; địa chỉ thửa đất: Thôn K, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, theo sơ đồ thửa đất được đánh ký hiệu các điểm ABCDEFGH (có sơ đồ kèm theo).

Hộ gia đình ông Nguyễn Hữu T có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai.

2. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại

Ông Nguyễn Hữu T không yêu cầu ông Nguyễn Đình K phải bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm cho ông Nguyễn Hữu T trị giá 87 cây thông bằng số tiền là 10.179.000 đồng (mười triệu một trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

Ông Nguyễn Đình K không yêu cầu ông Nguyễn Hữu T phải bồi thường thiệt hại cho ông Nguyễn Đình K trị giá 533 cây bạch đàn là 8.528.000 đồng (tám triệu năm trăm hai mươi tám nghìn đồng).

Ông Nguyễn Hữu T được sở hữu 533 cây bạch đàn trên diện tích đất 3.210,8m².

3. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Hữu T tự nguyện chịu 6.500.000 đồng; ông Nguyễn Đình K chịu 11.801.000 đồng và 3.000.000 đồng chi phí tố tụng tại cấp phúc thẩm. Tổng cộng ông Nguyễn Đình K phải chịu 14.801.000 đồng tiền chi phí tố tụng. Xác nhận ông Nguyễn Đình K đã nộp đủ số tiền 3.000.000 đồng tại cấp phúc thẩm. Ông Nguyễn Đình K phải hoàn trả lại cho ông Nguyễn Hữu T số tiền 11.801.000 đồng.

4. Về án phí

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Đình K phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

4.2. Án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Đình K phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Xác nhận ông Nguyễn Đình K đã nộp đủ theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0000869 ngày 12 tháng 5 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND TP Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND TP Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS TP L, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: HS; Tòa DS; HCTP, KTNV&THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Vi Đức Trí